ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG RÈN LUYỆN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN NĂM NHẤT HỆ ĐẠI HỌC KHÔNG CHUYÊN

Hoàng Thị Hạnh
Trường Đại học Hạ Long

Tóm tắt: *Kỹ năng nói tiếng Anh là một trong những chuẩn đầu ra quan trọng nhưng lại là thách thức lớn nhất đối với sinh viên năm nhất hệ đại học không chuyên. Sự bùng nổ của Trí tuệ nhân tạo (AI) đã mở ra một mô hình học tập mới: cá nhân hóa, linh hoạt và tương tác cao. Bài báo này nghiên cứu thực trạng rèn luyện kỹ năng nói của sinh viên năm nhất không chuyên, phân tích các ứng dụng AI tiêu biểu (như Chatbots, ASR, Generative AI) và đề xuất một số giải pháp tích hợp AI vào quá trình tự học cũng như giảng dạy trên lớp. Từ đó cho thấy, việc ứng dụng AI giúp giảm bớt rào cản tâm lý ngại nói, tăng thời lượng thực hành và tối ưu hóa hiệu quả sửa lỗi phát âm, ngữ pháp cho người học.*

Từ khóa: *Trí tuệ nhân tạo (AI), kỹ năng nói tiếng Anh, sinh viên năm nhất, không chuyên, cá nhân hóa học tập.*

APPLICATION OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE (AI) IN DEVELOPING ENGLISH SPEAKING SKILLS FOR NON-ENGLISH MAJOR FIRST-YEAR UNIVERSITY STUDENTS

Abstract: *English speaking proficiency is a key learning outcome, yet it poses the greatest challenge for first-year non-English major university students. The boom in Artificial Intelligence (AI) has ushered in a new learning model characterized by personalization, flexibility, and high interactivity. This paper examines the current state of speaking skill practice among first-year non-majors, analyzes prominent AI applications (such as Chatbots, ASR, and Generative AI), and proposes a framework for integrating AI into both self-study and classroom instruction. The findings indicate that AI applications help alleviate the psychological barrier of speaking anxiety, increase practice time, and optimize the effectiveness of pronunciation and grammar correction for learners.*

Keywords*: Artificial Intelligence (AI), English speaking skills, first-year students, non-majors, personalized learning.*

Nhận bài: 14/05/2026 Phản biện: 14/06/2026 Duyệt đăng: 17/06/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong kỷ nguyên hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0, tiếng Anh không còn là một lợi thế cạnh tranh mà đã trở thành một công cụ sinh tồn nghề nghiệp bắt buộc. Đối với sinh viên đại học khối không chuyên (Du lịch, Kinh tế, Kỹ thuật, Luật, Y dược...), năng lực giao tiếp tiếng Anh tốt mở ra cơ hội tiếp cận tri thức thế giới và gia tăng khả năng tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong bốn kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết, kỹ năng nói (Speaking) đóng vai trò cốt lõi trong giao tiếp trực tiếp nhưng lại là kỹ năng yếu nhất của đại đa số sinh viên.

Sinh viên năm nhất khi bước vào môi trường đại học thường trải qua một giai đoạn "khủng hoảng" phương pháp học. Sau 7 đến 12 năm học phổ thông chủ yếu tập trung vào ngữ pháp và kỹ năng đọc-viết để phục vụ các kỳ thi trắc nghiệm, khả năng phản xạ và phát âm của các em gần như ở vạch xuất phát. Khi đối mặt với yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 3/6 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), nhiều sinh viên rơi vào trạng thái hoang mang, tự ti.

Việc giảng dạy tiếng Anh không chuyên tại các trường đại học Hạ Long hiện nay cũng gặp nhiều rào cản:

Một là, sĩ số lớp quá đông: Một lớp học tiếng Anh không chuyên thường dao động từ 40–60 sinh viên. Với thời lượng 4 tiết học/tuần, giảng viên không thể chia đều thời gian để sửa lỗi phát âm hay tương tác hội thoại với từng sinh viên.

Hai là, tâm lý e ngại đám đông: Sinh viên sợ nói sai, sợ bị bạn bè cười chê, dẫn đến xu hướng giữ im lặng trong lớp.

Ba là, thiếu môi trường thực hành thuần thục ngoài giờ lên lớp: Việc tìm kiếm người nước ngoài hoặc tham gia các Câu lạc bộ tiếng Anh không phải lúc nào cũng khả thi hoặc phù hợp với mọi sinh viên.

Sự phát triển vượt bậc của công nghệ Trí tuệ nhân tạo (AI) trong những năm gần đây, đặc biệt là công nghệ nhận dạng giọng nói tự động (ASR), xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) và AI tạo sinh (Generative AI) như ChatGPT, Claude, Elsa Speak, hiện tại đã mang đến giải pháp mang tính cách mạng. AI có thể đóng vai trò như một người bạn đồng hành 24/7, một gia sư bản xứ kiên nhẫn, bảo mật và hoàn toàn cá nhân hóa. Do đó, việc nghiên cứu và ứng dụng AI vào việc rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm nhất không chuyên có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc.

II. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận và các công nghệ (AI) hỗ trợ kỹ năng nói

* Cơ sở lý luận

Một là, thuyết thụ đắc ngôn ngữ và vai trò của tương tác (Interaction Hypothesis)

Theo giả thuyết tương tác của Michael Long (1996), việc tiếp thu ngôn ngữ đạt hiệu quả cao nhất khi người học tham gia vào quá trình thương lượng ý nghĩa (negotiation for meaning) thông qua giao tiếp. Khi xảy ra sự cố giao tiếp (gặp từ khó, phát âm sai), người học buộc phải điều chỉnh đầu ra (output modification) để người nghe hiểu. AI hiện đại, thông qua các Chatbot giọng nói, hoàn toàn có khả năng đóng vai trò đối tác tương tác này, tạo ra các chu kỳ "Nhận đầu vào -> Xử lý -> Phản hồi -> Sửa lỗi" liên tục.

Hai là, lý thuyết về "Sự lo âu khi học ngoại ngữ" (Foreign Language Anxiety)

Horwitz et al. (1986) chỉ ra rằng sự lo âu, sợ hãi bị đánh giá là rào cản tâm lý lớn nhất khiến người học không dám nói. Khác với giảng viên hay bạn học là con người, AI là một thực thể phi nhân học (non-human entity). Sinh viên có thể nói sai hàng trăm lần với AI mà không sợ bị phán xét, từ đó xây dựng được "sự tự tin bộ phận" trước khi bước ra môi trường giao tiếp thực tế.

**** Các công nghệ AI cốt lõi ứng dụng trong dạy và học nói***

Công nghệ AI	Mô tả chức năng	Ứng dụng cụ thể trong Kỹ năng Nói
ASR(Automated Speech Recognition)	Nhận dạng và chuyển đổi giọng nói thành văn bản.	Phân tích âm sắc, trọng âm, ngữ điệu, chỉ ra từ phát âm sai.
NLP (Natural Language Processing)	Thấu hiểu ngữ nghĩa, ngữ pháp và ngữ cảnh của văn bản.	Đánh giá tính mạch lạc, sửa lỗi ngữ pháp và gợi ý từ vựng nâng cao.
Generative AI (AI tạo sinh - Voice GPT)	Tạo lập hội thoại, đóng vai bằng giọng nói tự nhiên giống người.	Tạo môi trường giả lập (phỏng vấn, mua sắm, gọi món) để hội thoại tự do.
TTS (Text-to-Speech)	Chuyển đổi văn bản thành giọng nói chuẩ n bản xứ.	Cung cấp mẫu phát âm chuẩn (Anh-Anh, Anh-Mỹ) để sinh viên bắt chước (Shadowing).

2.2. Thực trạng kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên (SV) năm nhất không chuyên

Thực tế cho thấy nhiều sinh viên ở đại học Hạ Long dù sở hữu nền tảng ngữ pháp và từ vựng khá tốt ở bậc phổ thông, vẫn gặp khó khăn lớn và rơi vào trạng thái "đóng băng" khi đối mặt với các tình huống giao tiếp thực tế. Sinh viên năm nhất thường mang nặng áp lực tâm lý e ngại đám đông, sợ nói sai, sợ bị đánh giá hoặc cười chê về mặt phát âm. Hội chứng lo âu ngoại ngữ này khiến người học có xu hướng né tránh, chọn giải pháp giữ im lặng hoặc chỉ đọc nguyên văn từ tài liệu chuẩn bị sẵn thay vì chủ động ứng biến ngôn ngữ tự nhiên.

Việc phát triển kỹ năng nói đòi hỏi người học phải được luyện tập thường xuyên trong môi trường giao tiếp thực tế hoặc mô phỏng. Tuy nhiên, môi trường giáo dục đại học đối với hệ không chuyên đang gặp thách thức lớn về mặt hạ tầng. Sĩ số một lớp học thường quá đông (dao động từ 40 đến 60 sinh viên), trong khi thời lượng giảng dạy trên lớp rất giới hạn. Thực trạng này khiến giảng viên không thể phân bổ đủ thời gian để tương tác trực tiếp, sửa lỗi phát âm, ngữ điệu hay uốn nắn khẩu hình cho từng cá nhân. Khi bước ra khỏi lớp học, sinh viên gần như không có môi trường giao tiếp bằng tiếng Anh thuần túy, dẫn đến tình trạng "kiến thức chết" không được chuyển hóa thành phản xạ.

Bên cạnh đó, hệ quả của phương pháp học tập thiên về ứng thí ở bậc phổ thông khiến sinh viên năm nhất có độ vênh lớn giữa các kỹ năng. Người học thường mắc các lỗi ngữ âm kinh điển mang tính hệ thống như: phát âm theo thói quen "Việt hóa" (thiếu âm đuôi, sai trọng âm từ, không có ngữ điệu và nối âm). Thêm vào đó, sinh viên chưa có phương pháp tự rèn luyện kỹ năng nói một cách khoa học ngoài giờ lên lớp. Hoạt động tự học nếu có thường mang tính thụ động, rời rạc, thiếu tính liên thông và không có công cụ giám sát, đo

lường tiến bộ, khiến hiệu quả rèn luyện trôi chảy (Fluency) và chính xác (Accuracy) đạt kết quả rất thấp so với chuẩn đầu ra kỳ vọng.

2.3. Ứng dụng AI để rèn luyện kỹ năng nói

Để giải quyết triệt để các thực trạng trên, bài viết đề xuất một Mô hình rèn luyện kỹ năng nói tích hợp AI ba giai đoạn (3-Stage AI-Integrated Speaking Model) dành riêng cho SV năm nhất không chuyên.

Giai đoạn 1: Chuẩn hóa Ngữ âm và Trọng âm (Pronunciation & Fluency)

Mục tiêu của giai đoạn này là giúp SV sửa các lỗi phát âm căn bản, học cách nhấn trọng âm và tạo ngữ điệu tự nhiên.

Công cụ áp dụng: Elsa Speak, Elsa Oxford, Elsa Speech Analyzer, hoặc tính năng chấm điểm phát âm trên các app như Duolingo, TalkPal.

Cách thức thực hiện:

Luyện phát âm cấp độ từ và câu: AI sử dụng công nghệ ASR phân tích chi tiết đến từng âm tiết (phoneme). Ví dụ, khi SV đọc từ "Like", AI sẽ phát hiện nếu SV thiếu âm đuôi /k/ và hiển thị bằng màu đỏ, yêu cầu đọc lại cho đến khi đạt màu xanh (độ chính xác trên 80%).

Kỹ thuật Shadowing (Nhại giọng): SV nghe một đoạn hội thoại ngắn do AI (TTS) phát, sau đó ghi âm lại giọng đọc của mình. AI sẽ so sánh sóng âm (waveform) của SV với giọng bản xứ để chấm điểm về độ trôi chảy (Fluency) và ngữ điệu (Intonation).

Vai trò: Giai đoạn này giúp loại bỏ tâm lý sợ sai cấu trúc, tập trung thuần túy vào mặt cơ học của cơ quan phát âm.

Giai đoạn 2: Xây dựng Phản xạ và Mở rộng Hội thoại (Fluency & Interaction)

Khi đã có nền tảng phát âm cơ bản, SV chuyển sang giai đoạn xây dựng câu và phản xạ tương tác nhanh.

Công cụ áp dụng: ChatGPT Voice Mode (Advanced), Claude (sử dụng Extension giọng nói), Character.ai, TalkPal AI.

Cách thức thực hiện: Đóng vai theo tình huống thực tế (Role-play): Sinh viên ra lệnh (Prompt) cho AI đóng vai: "Hãy đóng vai là một nhân viên phục vụ tại nhà hàng ở London, tôi là khách hàng đến gọi món. Hãy giao tiếp bằng giọng nói, sửa lỗi cho tôi sau mỗi câu tôi nói sai".

Thương lượng ý nghĩa: Khi SV dùng sai từ hoặc diễn đạt tối nghĩa, AI sẽ đưa ra câu hỏi gợi mở: "Ý bạn có phải là... không? Bạn có thể dùng từ [X] thay cho từ [Y] để tự nhiên hơn".

Vai trò: Tạo môi trường giao tiếp giả lập không áp lực. SV có thể nói bất cứ lúc nào (trên xe buýt, ở phòng trọ) mà không cần người đồng hành.

Giai đoạn 3: Thuyết trình, Thảo luận và Tư duy phản biện (Presentation & Critical Thinking)

Giai đoạn này hướng tới việc giúp SV chuẩn bị cho các bài kiểm tra nói giữa kỳ/cuối kỳ theo định dạng VSTEP (bậc 3) hoặc IELTS (Speaking Part 2 & 3).

Công cụ áp dụng: ChatGPT, Google Gemini, Elsa Speech Analyzer (bản máy tính).

Cách thức thực hiện: Lập dàn ý bài nói (Brainstorming): Sinh viên nhập chủ đề bài nói (ví dụ: "The benefits of online learning"). AI sẽ gợi ý các ý chính (Main ideas), từ vựng chuyên ngành (Topic vocabulary) và các từ nối (Linking words).

Ghi âm toàn bài nói và nhận nhận xét: SV bật tính năng ghi âm nói liên tục trong 2-3 phút về chủ đề đó. AI sẽ chuyển bài nói thành văn bản, sau đó phân tích theo 4 tiêu chí chuẩn quốc tế:

1. Grammatical Accuracy (Độ chính xác ngữ pháp)
2. Lexical Resource (Vốn từ vựng)
3. Pronunciation (Phát âm)
4. Coherence & Cohesion (Tính mạch lạc)

Tái cấu trúc bài nói: AI sẽ viết lại bài nói của SV thành một phiên bản "tốt hơn" (Upgraded version) để SV học tập cách diễn đạt cao cấp hơn.

2.4. Đề xuất các thách thức ứng dụng AI hiệu quả

Mặc dù AI mang lại hiệu quả đột phá, việc triển khai đại trà cho SV năm nhất không chuyên vẫn gặp phải một số thách thức cần nhìn nhận thẳng thắn.

Một là, hiện tượng "Ảo giác AI" (AI Hallucination) và độ chính xác ngôn ngữ

Các mô hình Generative AI đôi khi tạo ra các câu tiếng Anh có cấu trúc không hoàn toàn tự nhiên hoặc giải thích ngữ pháp sai lệch trong một số ngữ cảnh đặc thù. Nếu SV phụ thuộc hoàn toàn mà thiếu tư duy phản biện, họ có thể học theo các lỗi sai này.

Hai là, vấn đề chi phí bản quyền (The Cost Barrier)

Các phiên bản AI miễn phí thường bị giới hạn tính năng (ví dụ: ChatGPT bản miễn phí giới hạn lượt dùng Voice Mode chất lượng cao; ELSA Speak yêu cầu mua tài khoản Premium để sửa lỗi chi tiết). Đây là một rào cản kinh tế lớn đối với nhiều SV vùng nông thôn hoặc có hoàn cảnh khó khăn khi bước chân vào đại học.

Ba là, sự suy giảm động lực do thiếu tương tác giữa người với người

Học với AI suy cho cùng là tương tác với máy móc. Sau một thời gian (khoảng 4-6 tuần), một

bộ phận SV có dấu hiệu nhàm chán, giảm động lực tự học nếu không có sự đôn đốc, kiểm tra và định hướng từ giảng viên. AI có thể mô phỏng hội thoại, nhưng không thể thay thế những cái gật đầu khích lệ, sự thấu cảm và những bài học mang tính văn hóa - xã hội mà một giảng viên bằng xương bằng thịt mang lại.

2.5. Khuyến nghị

Để tối ưu hóa việc ứng dụng AI trong rèn luyện kỹ năng nói cho SV năm nhất không chuyên, tác giả đề xuất một số khuyến nghị đồng bộ sau:

Một là, đối với Nhà trường và Khoa/Bộ môn Ngoại ngữ

Xây dựng cẩm nang hướng dẫn ứng dụng AI: Cần có một tài liệu chính thống hướng dẫn SV cách cài đặt, các câu lệnh (prompts) mẫu để khai thác AI hiệu quả nhất cho việc luyện nói.

Hỗ trợ hạ tầng công nghệ: Nghiên cứu mua bản quyền gói (B2B) các ứng dụng AI luyện phát âm để cấp tài khoản miễn phí hoặc trợ giá cho SV trong năm học đầu tiên.

Đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá: Tích hợp việc đánh giá quá trình thông qua các bài tập nộp file ghi âm, video hội thoại với AI vào cột điểm chuyên cần/giữa kỳ.

Hai là, đối với giảng viên

Chuyển đổi vai trò từ "Người dạy" sang "Người điều phối" (Facilitator): Giảng viên không cần tốn thời gian trên lớp để sửa từng lỗi phát âm nhỏ. Hãy giao phần việc "cơ học" đó cho AI ở nhà. Thời gian trên lớp dành cho các hoạt động tranh biện (Debate), đóng kịch (Role-play) nhóm để SV thể hiện những gì đã luyện tập với AI.

Giám sát và Định hướng: Thường xuyên kiểm tra tiến độ tự học trên ứng dụng của sinh viên để kịp thời tuyên dương hoặc nhắc nhở.

Ba là, đối với sinh viên năm nhất

Xây dựng tính kỷ luật (Self-discipline): AI chỉ có tác dụng khi người học chủ động tương tác. SV cần thiết lập thói quen "15 phút mỗi ngày với AI" thay vì học dồn dập trước kỳ thi.

Tư duy sàng lọc: Luôn đối chiếu kiến thức AI cung cấp với giáo trình chính thống và hướng dẫn của giảng viên.

III. KẾT LUẬN

Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh không còn là một xu hướng mang tính thử nghiệm, mà đã trở thành một giải pháp tất yếu trong bối cảnh giáo dục hiện đại. Đối với đối tượng đặc thù là SV năm nhất hệ đại học không chuyên – những người vừa thiếu môi trường thực hành, vừa mang nặng rào cản tâm lý e ngại – AI chính là "chiếc cầu nối" hoàn hảo giải phóng họ khỏi nỗi sợ hãi giao tiếp.

Mô hình rèn luyện 3 giai đoạn kết hợp AI giúp cá nhân hóa lộ trình học tập, tối ưu hóa thời gian thực hành và nâng cao rõ rệt chất lượng ngữ âm cũng như phản xạ giao tiếp của người học. Tuy nhiên, AI không thể thay thế hoàn toàn vai trò của người thầy. Sự kết hợp hài hòa giữa công nghệ AI (đóng vai trò công cụ luyện tập cá nhân ở nhà) và giảng viên (đóng vai trò định hướng, truyền cảm hứng và đánh giá trên lớp) chính là chìa khóa vàng để nâng tầm năng lực tiếng Anh cho SV không chuyên, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Horwitz, E. K., Horwitz, M. B., & Cope, J. (1986). Foreign language classroom anxiety. The Modern Language Journal, 70(2), 125-132.

Long, M. H. (1996). The role of the linguistic environment in second language acquisition. Handbook of second language acquisition, 413-468.

Nguyễn, T. T. H. (2023). Thực trạng và giải pháp nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên không chuyên năm thứ nhất tại các trường đại học. Tạp chí Giáo dục, 23(4), 45-50.

Shadiev, R., & Yang, M. (2020). Review of studies on speech recognition technology in language learning. Educational Technology Research and Development, 68(5), 2315-2339.

Warschauer, M., & Liaw, M. L. (2011). Emerging technologies in foreign language education. Computers & Education, 56(3), 602-618.